

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế
và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;

Xét Tờ trình số 750/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 74/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

4. Nội dung và mức chi:

Số TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Công tác nghiên cứu, xây dựng phương án đàm phán, ký, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực thực hiện thỏa thuận quốc tế; báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; báo cáo rà soát, đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế liên quan	8.000.000 đồng/báo cáo
2	Chi soạn thảo dự thảo thỏa thuận quốc tế	4.000.000 đồng/dự thảo văn bản
3	Chi cho các cá nhân tham gia cuộc họp lấy ý kiến về dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; hội thảo về kế hoạch đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; chi hội đồng kiểm tra điều ước quốc tế; chi hội đồng thẩm định, tư vấn thẩm định điều ước quốc tế (nếu có):	
a	Người chủ trì cuộc họp	150.000 đồng/người/buổi
b	Các thành viên tham dự	100.000 đồng/người/buổi
c	Lấy ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	500.000 đồng/văn bản
4	Báo cáo tổng hợp ý kiến; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý:	
a	Báo cáo tổng hợp ý kiến	300.000 đồng/báo cáo
b	Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý	500.000 đồng/báo cáo
5	Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế:	
a	Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế định kỳ hàng năm của các Bộ, ngành	4.000.000 đồng/báo cáo

Số TT	Nội dung chi	Mức chi
b	Báo cáo tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo chuyên đề hoặc đột xuất	2.000.000 đồng/báo cáo
6	Chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm định, báo cáo kiểm tra, báo cáo thẩm tra đối với dự thảo thỏa thuận quốc tế:	
a	Văn bản góp ý	300.000 đồng/văn bản
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo kiểm tra, báo cáo thẩm tra	500.000 đồng/báo cáo
7	Việc chi soạn thảo văn bản, các loại báo cáo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Bảng này tính cho sản phẩm cuối cùng (bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	

5. Các nội dung khác không quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy định cụ thể của địa phương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018. *trg*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Gi.



Võ Anh Kiệt